TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 386/2024/HS-PT
Ngày: 27 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Võ Ngọc Thông

ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo Dương Hồng T, Nguyễn Thị Mai L, Lê Trang Mỹ D, Nguyễn Huy T1 về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy", "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Do có kháng cáo của các bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2023/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1616/2024/QĐXXPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. DƯƠNG HỒNG T, sinh ngày 25-7-1988, tại tỉnh Gia Lai;

Nơi thường trú: thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; quê quán: xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T2, sinh năm 1958 và bà Trần Thị P, sinh năm 1966; có vợ tên là Lê Trang Mỹ D, sinh năm 1989; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020.

Có 01 tiền án: tại bản án sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 11/6/2020 của Toà án huyện Chư Prông tuyên phạt 16 tháng tù giam về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*"; tại bản án phúc thẩm số 06/2020/HS-PT-CTN ngày 15-9-2020 của Tòa án tỉnh Gia Lai tuyên phạt 09 tháng tù giam về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*"; ngày 26-10-2020, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai ban hành quyết định thi hành án phạt tù; ngày 04-11-2020, Chánh án Tòa án huyện I ban hành quyết định hoãn chấp hành phạt tù lần 1; ngày 05-5-2021, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai tiếp

tục ban hành quyết định hoãn chấp hành phạt tù lần 2; bị cáo bị bắt quả tang trong thời gian được hoãn thi hành án phạt tù.

Tiền sự: không có.

Về nhân thân:

- Tại bản án số hình sự phúc thẩm số 486/2008/HS-PT ngày 25-7-2008, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù giam về tội "*Cướp tài sản*"; ngày 07-6-2011 chấp hành xong hình phạt.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2013/HS-ST ngày 20-9-2013, Tòa án huyện M tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "*Cướp giật tài sản*"; ngày 21-5-2016 chấp hành xong hình phạt.

- Ngày 12-4-2021 Dương Hồng T điều khiển phương tiện giao thông xảy ra tai nạn tại thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; vì có lỗi của bị hại nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện I đã ra Quyết định số 20/QĐ-KKT ngày 10/8/2021 Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Bị cáo bị bắt ngày 21-7-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G; có mặt.

2. NGUYỄN THỊ MAI L, sinh ngày 18-12-1999, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi thường trú: Tổ D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai; nơi đã cư trú: Hẻm B N, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Lưu Thị L1, sinh năm 1980; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 21-7-2021; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G; có mặt.

3. LÊ TRANG MỸ D, sinh ngày 30-11-1989, tại tỉnh Thừa Thiên Huế;

Nơi thường trú: thôn T, xã L, huyện I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng L2, sinh năm 1964 và bà Ngô Thị Thu T3, sinh năm 1970; có chồng tên Dương Hồng T, sinh năm 1988; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. NGUYỄN HUY T1, sinh ngày 17-9-1989, tại tỉnh Gia Lai;

Nơi thường trú: Số A T, tổ C, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1962 và bà Ưng Thị Thu H, sinh năm 1964; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 121/2008/HSST ngày 05-8-2008 của Tòa án tỉnh Gia Lai tuyên phạt 07 năm tù về tội "*Cướp tài sản*"; ngày 01-4-2013 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt ngày 21-7-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Dương Hồng T*:*

+ Luật sư Trần Văn G, Văn phòng L4, thuộc đoàn luật sư tỉnh G; địa chỉ: C đường W, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

+ Luật sư Lê Đình Q, Văn phòng L5; địa chỉ: A L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Thị Mai L*:*

+ Luật sư Hoàng Ngọc X, là Luật sư của Văn phòng L6 thuộc đoàn luật sư tỉnh G; địa chỉ: A T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

+ Luật sư Phạm Ngọc Q1, Công ty L7; địa chỉ: F T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Lê Trang Mỹ D1*:* Luật sư Lê Đình Q, Văn phòng L5 thuộc đoàn luật sư tỉnh G; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Huy T1*:* Luật sư Lê Đức T4, Văn phòng L8, thuộc đoàn luật sư tỉnh G; có mặt.

- *Ngoài ra, vụ án còn có 01 bị cáo khác, nhưng không có kháng cáo, kháng nghị.*

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo****:* ông Dương Văn T2, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn T, xã L, huyện I, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 35 phút ngày 21/7/2021 tại làng R, xã I, huyện C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G phát hiện và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Dương Hồng T và Nguyễn Thị Mai L về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, khi T đang điều khiển xe ô tô 81C-18981 (Thái là chính chủ sở hữu xe này) chở Nguyễn Thị Mai L ngồi ở ghế trước bên phải của xe từ tỉnh Kon Tum di chuyển về tỉnh Gia Lai.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xe khám xe ô tô của T phát hiện dưới chân ghế phụ bên tay phải của xe (ghế L ngồi) có 01 bì ni lông màu trắng, được quấn bằng ni lông màu đen, tiến hành mở gói ni lông phát hiện bên trong là 01 túi ni lông màu vàng có chữ: 888 GUAN YIN WANG, bên trong có chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể. Đồng thời tạm giữ của T 01 túi da cầm tay, 02 điện thoại di động, 14.978.000 đồng, 01 xe ô tô, 01 giấy phép lái xe.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Dương Hồng T, tại thôn T, xã I, I, thì Lê Trang Mỹ D (sinh ngày 30/11/1989 là vợ của T) tự nguyện giao nộp 01 túi ni lông màu trắng bên trong có: 01 cân tiểu ly; 01 túi nilon màu trắng quấn keo màu đen, bên trong có 04 gói

nilon chứa chất rắn dạng tinh thể; 01 túi nilon màu trắng bên ngoài quấn keo màu đen, bên trong có 02 túi nilon màu trắng chứa chất rắn dạng tinh thể và 01 túi nilon màu trắng chứa chất rắn dạng tinh thể.

Tiếp tục tiến hành khám xét phòng ngủ của Dương Hồng T, Cơ quan điều tra thu giữ 01 gói nilon chứa chất rắn dạng tinh thể và 10 bì kít.

Khi đang tiến hành khám xét nhà của Dương Hồng T, tại thôn T, xã I, I (nhà của T trong một khuôn viên có 02 căn riêng biệt, phía trước là căn nhà cũ, đến sân khoảng 05 mét và phía sau là nhà gỗ, nhà gỗ là vợ chồng T ở, còn nhà cũ phía trước là Nguyễn Huy T1 và Hà Công T5 ở, khi tiến hành khám nhà cũ thì phát hiện 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 16 viên đạn. Do đó Cơ quan điều tra tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với Nguyễn Huy T1 và Hà Công T5 và thu giữ toàn bộ tang vật.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Mai L tại hẻm B N, thành phố P, Cơ quan điều tra thu giữ 01 cân tiểu ly, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 khẩu súng bằng kim loại màu đen có ký hiệu: "RC 134211882, RG88 Germany" bên trong có 05 viên đạn.

Tại Kết luận giám định số: 527/KLGĐ ngày 28/7/2021 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:

1. Khối lượng ma túy thu giữ khi bắt quả tang: 01 bì ni lông ghi thu của Dương Hồng T và Nguyễn Thị Mai L gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 999,0489 gam.

2. Khối lượng ma túy thu giữ khi khám xét tại nhà của Dương Hồng T, Lê Trang Mỹ D1:

- Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 01 túi nilon (bên trong có 04 túi nilon) niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 99,9810 gam.

- Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 02 túi nilon (bên trong có 02 túi nilon) niêm phong gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 99,7955 gam.

- Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 01 túi nilon niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 4,7961 gam.

- Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 01 túi nilon niêm phong gửi giám định là ma tủy, loại Methamphetamine, khối lượng 2.4218 gam.

Tổng số chất ma túy thu giữ khi khám xét nơi ở của Dương Hồng T và Lê Trang M D1 là 206,9944 gam Methamphetamine.

3. Khối lượng ma túy thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Thị Mai L:

Chất màu trắng, dạng tinh thể bám dính trong ống thủy tinh, uốn cong thu tại nơi ở của Nguyễn Thị Mai L niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Do lượng mẫu ít không cân được khối lượng.

Tại Kết luận giám định số: 526/KLGĐ ngày 29/7/2021 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:

Gói chất bột thu giữ của Hà Công T5 và Nguyễn Huy T1 (thu giữ trong nhà cũ phía trước

của T, D1) gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng là 0,5047 gam.

Chất màu trắng bám dính trong ống thủy tinh ghi thu của Hà Công T5 và Nguyễn Huy T1 được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; do lượng mẫu ít, không cân được khối lượng. (*Bl số 136 Kết luận giám định*).

Tại Kết luận giám định số: 1074/C09C-Đ1, ngày 24/9/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

Khẩu súng thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Mai L gửi giám định là súng ngắn RG88 bắn đạn cao su, đạn hơi cay, đan nổ (uy hiếp) cỡ (9 x 22)mm. 05 viên đạn là đạn cao su cỡ (9 x 22)mm và sử đựng được cho khẩu súng trên.

Khẩu súng và 05 viên đan nêu trên hiện tại còn sử dụng được và thuộc công cụ hỗ trợ (không phải vũ khí).

16 vật bằng kim loại hình viên đạn gửi giám định là đạn cỡ (7,62 x 39)mm, hiện tại còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng.

Tiến hành kiểm tra việc sử dụng chất ma túy đối với L, T1 và T5, cả ba người đều dương tính với ma túy đá.

Cơ quan điều tra đã chứng minh được hành vi của các bị cáo như sau:

Dương Hồng T với Lê Trang M D1 là vợ chồng và cùng cư trú tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Gia L3 và là bạn bè với Nguyễn Huy T1, Hà Công T5; T có quan hệ tình cảm với Nguyễn Thị Mai L.

Từ tháng 7 năm 2020, Dương Hồng T đi đến tỉnh Kon Tum mua ma túy loại Methamphetamine mang về nhà của mình tại thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai rồi tự phân chia ma túy ra thành các gói nhỏ; rồi cùng với Lê Trang Mỹ D, Nguyễn Huy T1 bán cho các đối tượng khác để kiếm lời. Khi T đi vắng không có nhà, T sẽ đưa ma túy cho D cất giữ, khi có đối tượng liên hệ mua ma túy thì T là người thỏa thuận và nói người mua đến nhà tại T, xã L, huyện I gặp D và T1 để giao nhận ma túy.

Từ tháng 7 năm 2020 đến ngày 19 tháng 7 năm 2021 Dương Hồng T, Lê Trang Mỹ D, Nguyễn Huy T1 đã nhiều lần bán ma túy cho nhiều đối tượng khác nhau trên các địa bàn huyện I, huyện Đ, huyện C và thành phố P, tỉnh Gia Lai; như: Nguyễn Xuân B, Nguyễn Văn V, Lê Bảo N, Văn T6, Y Song B1, Nguyễn Hoàng Thủy N1, Lê Tiến D2 và Trần Đại N2... Việc liên hệ, thỏa thuận số lượng, giá cả, địa điểm giao nhận tiền, giao nhận ma túy được T và các đối tượng thực hiện trên ứng dụng Zalo và Facebook. Có lần các đối tượng mua đến tại nhà của T ở thôn T, xã la Sao, huyện L, tỉnh Gia Lai để nhận ma túy, có lần hẹn địa điểm ngoài đường rồi T và T1 mang ma túy đến giao. Các đối tượng mua ma túy nhiều lần trả tiền mặt cho T, D, T1 và Hà Công T5 nhận khi đến nhà mua ma túy, đồng thời cũng có nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản tại Ngân hàng V1 mang tên Lê Trang Mỹ D và Lê Hồng N3 (là em ruột của Lê Trang Mỹ D1) để trả tiền mua ma túy.

Vào ngày 19/7/2021 Dương Hồng T cho T5 và T1 01 gói ma túy để sử dụng, do không ở nhà nên T đã gọi điện về cho Lê Trang D1 bảo lấy 01 gói ma túy ở trong nhà mang ra đưa

cho T1 và T5. Tuy nhiên D1 nghĩ lấy ma túy bán cho khách nên đã lấy 01 gói ma túy đưa cho T5. T1 và T5 cùng nhau sử dụng hết một phần, số dư còn lại T1 và T5 cất giữ trong phòng ở để tiếp tục sử dụng.

Đến khoảng 20 giờ ngày 20/7/2021, Dương Hồng T cùng với Nguyễn Thị Mai L tiếp tục đi từ thành phố P, tỉnh Gia Lai đến tỉnh Kon Tum để mua ma túy mang về Gia Lai bán. T điều khiển xe ô tô bán tải biển số 81C-189.81 của T chở L đi mua ma túy. Khoảng 23 giờ cùng ngày, trong lúc đang trên đường đi mua ma túy, T nhắn tin về cho Lê Trang M D1 nói lấy số ma túy ở nhà chia làm hai và lấy 01 phần mang đưa cho T1 giữ để T về sẽ lấy bán cho khách. D1 lấy túi ma túy trong nhà mang vào phòng ngủ của mình rồi dùng cân tiểu ly chia ra thành 01 túi nilon đựng 99,9810 gam Methamphetamine, 02 túi nilon đựng 99,7955 gam Methamphetamine, 01 túi nilon 4,7961 gam Methamphetamine rồi chụp hình gửi cho T. Sau đó D1 lấy 02 túi nilon đựng 99,7955 gam Methamphetamine cầm ra nhà trước đưa cho T1 và nói "Cầm tý nữa đưa cho T", T1 biết rõ là ma túy. Khoảng 02 giờ ngày 21/7/2021, không thấy T về và không liên lạc được, nghĩ T đi mua ma túy bị bắt, sợ bị cơ quan Công an phát hiện nên T1 nhắn tin nói D1 lên cầm 02 gói ma túy mang về phòng và cất giấu hết cùng với số ma túy còn lại trong nhà cùng dụng cụ mua bán ma túy để tránh bị cơ quan Công an phát hiện.

Do trời mưa nên D1 nhắn tin nói T1 cầm gói ma túy mang ra nhà sau cho D1, lúc này T1 nói Hà Công T5 đang ở cùng phòng cầm 02 gói ma túy mang đưa cho D1. T5 cầm 02 túi nilon đựng 99,7955 gam Methamphetamine mang ra nhà sau đưa cho D1, T5 biết rõ là ma túy. D1 lấy 01 túi nilon đựng 99,9810 gam Methamphetamine, 02 túi nilon đựng 99,7955 gam Methamphetamine, 01 túi nilon đựng 4,7961 gam Methamphetamine và 01 cân tiểu ly điện tử để chung vào trong túi nilon và cất giấu trong nhà vệ sinh. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, D1 mang toàn bộ số ma túy này cất giấu phía sau nhà.

Về phía T và L, sau khi mua được 999,0489 gam Methamphetamine ở khu vực huyện Đ, tỉnh Kon Tum rồi cất giấu trên xe ô tô, Dương Hồng T điều khiển xe ô tô chở Nguyễn Thị Mai L vận chuyển ma túy mua được quay về tỉnh Gia Lai, ma túy để ngay dưới chân của L ngồi tại ghế trước bên phải xe ô tô. Đến 00 giờ 35 phút ngày 21/7/2021, T điều khiển xe ô tô bán tải 81C-189.81 chở L và ma túy đi trên đường liên xã về đến địa phận Làng R, xã L, huyện C, Gia Lai thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G bắt quả tang đang vận chuyển 01 túi nilon (trong có túi nilon màu vàng, có dòng chữ, số "888 DIANYINGWANG") bên trong đựng 999,0489 gam Methamphetamine cất giấu dưới tấm lót chân ghế phụ bên phải của xe ô tô ngay dưới chân L ngồi.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của vợ chồng Dương Hồng T, Lê Trang Mỹ D1 tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh G. Lê Trang Mỹ D1 đã tự nguyện giao nộp 204,5726 gam Methamphetamine và 01 cân tiểu ly. Tiến hành khám xét, Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ tại phòng ngủ của T và D1 01 túi nilon chứa 2,4218 gam Methamphetamine và 10 bì nilon loại bì kít cùng số tiền 65.000.000 đồng và 02 điện thoại di động của D1.

Đồng thời, khi tiến hành khám xét nhà của Dương Hồng T phát hiện bắt quả tang trong phòng ở nhà phía trước của gia đình T thu giữ của T5, T1 0,5047 gam Methamphetamine, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 16 viên đạn loại đạn dùng cho súng quân dụng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị Mai L và Dương Hồng T thuê tại hẻm B N, phường P, TP ., tỉnh Gia Lai, thu giữ 01 cân tiểu ly, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01

khẩu súng loại công cụ hỗ trợ bên trong hộp tiếp đạn có 05 viên đạn cao su.

Các đối tượng đã mua ma túy của T, D1, T1 khai nhận:

1. Nguyễn Xuân B (Sinh năm: 1995, cư trú tại thôn T, xã I, huyện I, Gia Lai), từ ngày 05/7/2020 đến ngày 21/3/2021, B đã nhiều lần mua ma túy của T, D1, T1 để sử dụng và bán kiếm lời trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nguyễn Xuân B đã chuyển tiền đến các tài khoản Lê Trang Mỹ D và Lê Hồng N3 để trả tiền mua ma túy cho Dương Hồng T tổng cộng số tiền là 503.240.000 đồng. Trong đó ngày 17/3/2021 Nguyễn Xuân B đã mua của T 4,2554 gam Methamphetamine với giá 2.500.000 đồng, T là người trực tiếp giao ma túy cho B và nhận tiền mặt, đến ngày 20/3/2021, B tiếp tục mua của T 01 gói ma túy Methamphetamine khối lượng 13,0891 gam với giá 5.000.000 đồng, Nguyễn Huy T1 là người trực tiếp cầm gói ma túy này giao cho B và B đã chuyển tiền vào tài khoản Lê Hồng N3 để trả cho T. Sau khi mua được ma túy của T, ngày 21/3/2021 B mang số ma túy này đến bán cho Bùi Sang T7 (Sinh năm 1996) và Nguyễn Thị Thu T8 (Sinh năm: 1994, cùng trú tại số C P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G bắt quả tang thu giữ toàn bộ ma túy.

2. Nguyễn Văn V (Sinh năm: 1990, cư trú tại thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) đã nhiều lần mua ma túy của Dương Hồng T để sử dụng và ngày 26/4/2021 Dương Hồng T đã bán cho V 0,1435gam, V mang về huyện Đ, tỉnh Gia Lai sử dụng, đến ngày 27/4/2021 thì bị Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ phát hiện bắt giữ.

3. Lê Bảo N (thường gọi Ngọc C1, sinh năm: 1991, cư trú tại thôn A, xã B, thành phố P, Gia Lai), đã nhiều lần mua ma túy của Dương Hồng T để sử dụng. Mỗi lần mua ma túy của T, có lần N trả tiền mặt và nhiều lần N chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng V1 tên Lê Hồng N3 để trả tiền mua ma túy. Từ ngày 12/9/2020 đến ngày 20/7/2021 N đã chuyển vào tài khoản Lê Hồng N3 để trả tiền mua ma túy cho T tổng cộng số tiền là 135.100.000 đồng.

4. Văn Tài (thường gọi Đ1, sinh năm: 1989, cư trú tại thôn D, xã B, thành phố P, tinh G) đã nhiều lần mua ma túy của Dương Hồng T để sử dụng. T6 trả tiền mua ma túy cho T bằng hình thức chuyển vào tài khoản Lê Hồng N3 và trực tiếp trả tiền mặt. Từ ngày 12/5/2021 đến ngày 20/7/2021 Văn T6 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng V1 mang tên Lê Hồng N3 để trả tiền mua ma túy cho T tổng cộng số tiền là 21.500.000 đồng.

5. Y Song B1, sinh năm 1989 và Nguyễn Hoàng Thủy N1, sinh năm 1994, (cùng cư trú tại làng K, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, đã nhiều lần đến nhà T ở xã I, huyện I, Gia Lai) mua ma túy để sử dụng, sau đó trả tiền cho T bằng hình thức chuyển vào tài khoản Ngân hàng V1 mang tên Lê Hồng N3, từ ngày 28/9/2020 đến ngày 19/7/2021 Y Song B1 đã chuyển vào tài khoản tổng cộng số tiền là 42.735.000 đồng.

Các đối tượng Lê Tiến D2 và Trần Đại N2, đã nhiều lần mua ma túy của Dương Hồng T sử dụng. Tuy nhiên, mỗi lần mua ma túy, các đối tượng này đều đến trực tiếp nhà T giao dịch đưa tiền mặt và lấy ma túy, không chuyển tiền qua tài khoản nên không xác định được số tiền cụ thể.

Tổng số tiền mua bán ma túy mà các đối tượng Nguyễn Xuân B, Lê Bảo N, Văn T6 và Y Song B1 đã chuyển vào tài khoản trả cho Dương Hồng T thống kê được là 702.575.000 đồng. Đến ngày bị bắt quả tang, số tiền trong tài khoản 0121000877958 mang tên Lê

Hồng N3, do T quản lý, sử dụng còn 237.854.409 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Thị Mai L, Lê Trang Mỹ D, Nguyễn Huy T1 và Hà Công T5 thành khẩn khai báo trong việc mua bán ma túy với Dương Hồng T, riêng Dương Hồng T không khai nhận về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo chỉ thừa nhận số ma túy thu giữ khi khám xét nơi ở là của bị cáo mua từ thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 57.000.000 đồng, với mục đích để sử dụng còn số ma túy thu giữ khi bắt quả tang bị cáo không thừa nhận là của mình.

* Tang, vật chứng vụ án:

- 02 túi niêm phong có dấu của Phòng K Công an tỉnh G.

- 01 hộp giấy các tông, bên ngoài dán giấy kín, có dòng chữ "Công an tỉnh G, Phòng K".

- 04 phong bì công văn "Công an tỉnh G, Phòng K".

- 01 phong bì công văn "Bộ C3".

- 10 bì ni lon, loại bì kít

- 02 cân tiểu ly điện tử;

- 01 vật bằng kim loại sơn màu đen, hình trụ (giống vỏ bình xịt hơi cay), bên trong không chứa chất gì.

- 01 vật vỏ bằng nhựa màu đen - trắng, một mặt có dán tem ghi chữ "LTE/GPS, 9-95V/lmA".

- 01 Camera vỏ bằng nhựa màu đen, khổng ghi nhãn hiệu, có gắn 01 thẻ nhớ ghi chữ "MicroSD 128GB.

- 01 túi da màu nâu:

- 01 giấy phép lái xe hạng c, số: 460166703829, mang tên Dương Hồng T, do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp ngày 03/10/2016.

- 01 giấy phép lái xe hạng Al, số: 460166703829, mang tên Dương Hồng T, do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp ngày 23/8/2016.

- 01 thẻ ATM của ngân hàng B2 số: 9704180088640248 và 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng V1 số: 9704368615433197018, đều mang tên LE TRANG MY DUNG.

- 01 thẻ ATM ngân hàng V1 số: 9704366809602146029, mang tên LE HONG NHAT.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 81003968, mang tên Dương Hồng T do Công an tỉnh G cấp ngày 17/6/2021.

- 01 giấy chứng nhận kiểm định số: 7426153, do Trung tâm đăng kiểm 81.05D cấp ngày 13/7/2021.

- 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS số: Bboto210086254, do Tổng công ty B3 cấp ngày 13/7/2021.

- 01 hợp đồng mua bán xe ô tô (bản sao) ghi tên bên bán xe là Dương Chí C2 và Ngô Thị Kiều O, bên mua xe ghi tên Dương Hồng T.

- 09 điện thoại di động.

- 01 xe ô tô loại bán tải, màu sơn xám, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại TRITON, biển số đăng ký: 81C-18981; số máy: 4G64UCAF2277; số khung: KB50AD002999. Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy.

Tiền Việt Nam đồng: 79.978.000 đồng.

Đối với số tiền trong tài khoản tại ngân hàng V1 mang tên Lê Hồng N3, do Dương Hồng T sử dụng, đến ngày 13/9/2021 còn 237.854.409 đồng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT-VKS-P1 ngày 08/9/2022.

Đối với 16 viên đạn Cơ quan Cảnh sát điều tra đã bàn giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh G quản lý theo quy định.

[2] Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án sơ thẩm :

Ngày 10/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 07/2023/HSST-QĐ, yêu cầu tiếp tục điều tra bổ sung để tránh bỏ lọt hành vi phạm tội, bỏ lọt người phạm tội, để xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị can và xác định tiền thu lợi bất chính, tài sản hình thành từ hành vi vi phạm pháp luật mà có.

Ngày 26/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có văn bản số 843/CV-VKS-P1 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố tại Cáo trạng số 117/CT-VKSGL-P1 ngày 09/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

Ngày 27/9/2023, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 18/2023/HSST-QĐ để yêu cầu tiếp tục điều tra bổ sung làm rõ một số tình tiết của vụ án v*à xem xét tránh bỏ lọt tội phạm, bỏ lọt hành vi phạm tội của các bị cáo.*

Ngày 19/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có văn bản số 1230/CV-VKS-P1 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố vụ án Dương Hồng T cùng đồng phạm như cáo trạng số 117/CT-VKSGL-P1 ngày 09/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

[3] Tại Bản án hình sự số 115/2023/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Hồng T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; các bị cáo Nguyễn Thị Mai L và Lê Trang Mỹ D1 phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; các bị cáo Nguyễn Huy T1 và Hà Công T5 phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

1.1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 40 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Hồng Thái Tử h về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Hồng T **9 (chín) năm** tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Dương

Hồng T phải chấp hành hình phạt chung là **Tử hình**.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt **9 (chín) tháng** tù của bản án số 06/2020/HS-PT-CTN ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo Dương Hồng T phải chấp hành hình phạt chung là **Tử hình**.

Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Dương Hồng T để bảo đảm Thi hành án.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Dương Hồng T được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 39 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai Linh T9 **chung thân**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2021.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự ; xử phạt bị cáo Lê Trang Mỹ D1 **20 (hai mươi) năm** tù . Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T1 **20 (hai mươi) năm** tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T1 **3 (ba) năm** tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Huy T1 phải chấp hành hình phạt chung là **23 (hai mươi ba) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2021.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Công T5 **17 (mười bảy) năm** tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Công T5 **1 (một) năm** tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Hà Công T5 phải chấp hành hình phạt chung là **18 (mười tám) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2021.

2. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 45, Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: (*các vật chứng phạm tội quả tang không có giá trị)*

- Tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước đối với:

Quyền sử dụng thửa đất thuộc thửa đất số 223 tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2, tại Làng B, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY751835 ngày 08/6/2021 cho người sử dụng là bà Lê Trang Mỹ D1.

- **Trả lại:** cho các bị cáo Dương Hồng T và Lê Trang Mỹ D1 số tiền 79.978.000đ (*Bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

(*Toàn bộ vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 125/2023 ngày 25/08/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh G và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai*)

- Buộc các bị cáo Dương Hồng T và Lê Trang Mỹ D1 liên đới nộp số tiền 435.264.591đồng (*bốn trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi mốt đồng*) thu lợi bất chính để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; *Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:*

Buộc các bị cáo Dương Hồng T, Nguyễn Thị Mai L, Lê Trang Mỹ D, Nguyễn Huy T1 và Hà Công T5, mỗi bị cáo *phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hà Công T5*; xử lý* vật chứng và biện pháp tư pháp đối với các tài sản khác.

[4] Kháng cáo :

Ngày 11-12-2023, bị cáo Dương Hồng T nộp đơn kháng cáo có 04 yêu cầu: yêu cầu điều tra lại số lượng ma túy được tịch thu trên xe vào ngày 21-7-2021 là không phải của bị cáo T; xem lại tội danh mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo vì không có người mua bán, đề nghị phải có mặt những ngời liên quan này để làm rõ nhưng không được chấp nhận; xem xét lại tội danh tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vì khi T1 và T5 xin ma túy thì bị cáo có cho, nhưng T1 và T5 sử dụng ma túy như thế nào thì bị cáo không ở nhà nên không biết, T1 và T5 ở nhà của bị cáo là để làm phụ giúp công việc; xin xem xét lại hoàng cảnh cả vợ chồng đều vướng lao lý, cha mẹ già yếu, con còn nhỏ để xét khoan hồng cho bị cáo có cơ hội được sống.

Ngày 06-12-2023, bị cáo Nguyễn Thị Mai L nộp đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, cho rằng mức án chung thân là quá nặng, bị cáo không có tiền án tiền sự, bị cáo chỉ đi cùng T, không biết số lượng ma túy là bao nhiêu, không được chia lợi nhuận từ việc này. Ngày 04-12-2023 bà Lưu Thị L1 (là mẹ của bị cáo L) nộp Đơn xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, diện Hộ cận nghèo.

Ngày 04-12-2023, bị cáo Nguyễn Huy T1 nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do mức hình phạt của Bản án sơ thẩm quá nghiêm khắc so với hành vi phạm tội.

Ngày 08-12-2023, bị cáo Lê Trang Mỹ D1 nộp đơn kháng cáo có 03 nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo chỉ đồng phạm giúp sức, sống phụ thuộc vào chồng là bị cáo T, đang nuôi 02 con nhỏ và gia đình có công cách mạng; không buộc bị cáo liên đới với chồng là Dương Hồng T nộp số tiền bất chính, vì các giao dịch là đều do bị cáo T thực

hiện, bị cáo D1 hoàn toàn không biết và cũng không được cho biết, không được phân chia hưởng lợi từ T; xin được trả lại thửa đất số 223 tờ bản đồ số 14 tại làng B, xã P, huyện C, tỉnh Gia Lai, Tòa án sơ thẩm tịch thu sung công quỹ là không đúng.

Ngày 05-12-2023, ông Dương Văn T2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp đơn kháng cáo xin được xem xét nhận lại quyền sử dụng thửa đất thuộc thửa đất số 223 tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2 tại làng B, xã P, huyện C, tỉnh Gia Lai, vì nguồn tiền mua đất là của ông cho mua. Đồng thời, ngày 29-12-2023 ông T2 và bà P (Cha, mẹ của bị cáo T) có đơn xin cứu xét để xem xét lại hành vi và các tình tiết giảm nhẹ để khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo T giữ nguyên kháng cáo, thừa nhận hành vi mua ma túy và vận chuyển về Gia Lai bằng xe ô tô của bị cáo vào ngày 21-7-2021 như nội dung của bản án sơ thẩm. Bị cáo xin được khai báo với Cơ quan điều tra những người mà bị cáo đã mua ma túy và người mà bị cáo sẽ bán ma túy; đề nghị hủy bản án sơ thẩm để tiếp tục điều tra xử lý những người này. Những người bào chữa cho bị cáo có ý kiến do bị cáo T đề nghị khai báo người bán ma túy cho bị cáo và những người sẽ mua ma túy của bị cáo, việc khai báo này cần phải thực hiện có thời gian để nhớ và trình bày đầy đủ với cơ quan chức năng, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để tiếp tục điều tra làm rõ những người này để cùng xử lý trong cùng một vụ án với bị cáo T, không để lọt tội phạm.

Bị cáo Nguyễn Thị Mai L vào ngày 23-8-2024 đã gửi đơn xin rút kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai; tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo, xin được rút lại đơn đã gửi ngày 23-8-2024. Bị cáo thừa nhận hành vi đi cùng T vào ngày 21-7-2021 là vì do có tình cảm riêng và đã bị bắt quả tang với số ma túy trên xe. Người bào chữa có ý kiến do Bị cáo tuổi còn nhỏ, vì tình riêng nên đi theo T chứ không có ý định chung mua ma túy với T; gia đình bị cáo L rất khó khăn nên đề nghị xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt; đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại làm sáng tỏ toàn bộ vụ án vì có đồng phạm khác.

Bị cáo Lê Trang Mỹ D1 thành khẩn khai báo, giữ nguyên kháng cáo. Người bào chữa của bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại những người đã bán ma túy, để xử lý trong cùng vụ án này.

Bị cáo Nguyễn Huy T1 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo chỉ là người giúp việc, lao động được trả công, số ma túy tàng trữ của bị cáo rất ít nhưng lại xử mức hình phạt tổng cộng 23 năm là quá cao. Người bào chữa của bị cáo có ý kiến xử bị cáo T1 tội mua bán ma túy 20 năm là quá cao, vì không xác định được số ma túy mà bị cáo T1 đã mua bán mà chỉ căn cứ vào các lời khai, chỉ phát hiện số ma túy bị cáo tàng trữ. Do đó, đề nghị xem xét lại mức hình phạt về tội mua bán ma túy của bị cáo T1 để giảm nhẹ cho bị cáo.

Ông Dương Văn T2 giữ nguyên kháng cáo xin được xem xét nhận lại thửa đất số 223 tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2 tại làng B, xã P, huyện C, tỉnh Gia Lai, vì nguồn tiền mua

đất là của ông, Lê Trang Mỹ D1 chỉ là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đây là tài sản còn lại để nuôi các cháu là con của T và D1 đang bị tù tội, vì các cháu còn nhỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo: Bản án hình sự sơ thẩm số: 115/2023/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo Dương Hồng T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 251 và điểm b, khoản 2 Điều 255 BLHS; xét xử bị cáo Nguyễn Thị Mai L và Lê Trang Mỹ D1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, khoản 4 Điều 251 BLHS; các bị cáo Nguyễn Huy T1 và Hà Công T5 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng pháp luật.

Về mức hình phạt: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm; tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng bản chất khách quan của vụ án, xác định đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, làm rõ vai trò của từng bị cáo trong vụ án và áp dụng mức hình phạt đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với từng bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo đối với bị cáo T, nhưng tình tiết này không đáng kể ở giai đoạn phúc thẩm nên đề áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về phần tội danh và hình phạt.

Đối với nội dung kháng cáo về số tiền thu lợi bất chính từ vợ chồng bị cáo D1- Thái, kháng cáo của ông Dương Văn T2 đã được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong vụ án và đã quyết định có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận. Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo D1 về việc xin lại, không tịch thu thửa đất 223 thì thấy kết quả điều tra xác định được số tiền thu lợi bất chính chính được tổng là 723.119.000 đồng, lấy ra số tiền 50.000.000 đồng mua thửa đất này, tổng số tiền thu lợi bất chính đã được quyết định truy thu từ các bị cáo; thửa đất này là tài sản hiện có giá trị cao hơn 50.000.000 đồng nên đề nghị không tịch thu, mà tiếp tục quy trữ để bảo đảm thi hành án số tiền truy thu mà bị cáo phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm trước khi xét xử đã trả Hồ sơ điều tra nhiều lần để nhằm mục đích

làm rõ các tình tiết trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo và đồng phạm (nếu có), xác minh làm rõ các vấn đề liên quan cần giải quyết trong vụ án, thể hiện sự thận trọng và chặt chẽ trong phạm vi của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Hồng T trình bày xin được khai báo về tội phạm mới để lập công chuộc tội; đề nghị hủy bản án sơ thẩm để bị cáo được tiếp tục điều tra tại Cơ quan Công an, bị cáo khai báo người đã mua, bán ma túy cho bị cáo để được điều tra, truy tố lại từ đầu tất cả những người đồng phạm trong cùng một vụ án. Tuy nhiên, đây mới chỉ là lời khai từ phía bị cáo, phạm vi vụ án này là đưa ra Tòa án để xét xử hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành và đã được làm rõ theo quy trình tiến hành tố tụng; những hành vi phạm tội khác và người phạm tội sẽ được các Cơ quan chức năng tiếp tục điều tra, xác minh, đấu tranh xử lý trong những vụ án khác. Tuy nhiên, xuất phát từ trình bày bị cáo, cần kiến nghị với các Cơ quan điều tra tiếp tục thực hiện các nghiệp vụ về điều tra, xác minh phát hiện tội phạm để xử lý kịp thời trong những vụ án khác.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh:

Trong quá trình tiến hành tố tụng, các bị cáo Nguyễn Thị Mai L và Lê Trang Mỹ D, Hà Công T5 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các nội dung Kết luận điều tra, truy tố và bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Hồng T thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án và nội dung của Bản án sơ thẩm; từ đó xác định:

Ngày 21-7-2021 tại làng R, xã I, huyện C, Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt quả tang thu giữ 01 túi ni lông màu vàng có chữ: 888 GUAN YIN WANG, bên trong có chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể. Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Dương Hồng T, tại thôn T, xã I, I thì bị cáo Lê Trang Mỹ D (là vợ của T) tự nguyện giao nộp 01 túi ni lông màu trắng bên trong có: 01 cân tiểu ly; 01 túi ni lon màu trắng quấn keo màu đen, bên trong có 04 gói ni lon chứa chất rắn dạng tinh thể; 01 túi ni lon màu trắng bên ngoài quấn keo màu đen, bên trong có 02 túi nilon màu trắng chứa chất rắn dạng tinh thể và 01 túi ni lon màu trắng chứa chất rắn dạng tinh thể. Tại phòng ngủ của Dương Hồng T, Cơ quan điều tra thu giữ 01 gói ni lon chứa chất rắn dạng tinh thể và 10 bì kít và tại nhà cũ phía trước trong khuôn viên nhà bị cáo T là nơi Nguyễn Huy T1 và Hà Công T5 ở phát hiện 01 gói ni lon màu trắng bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 16 viên đạn. Khám xét nơi ở của Nguyễn Thị Mai L tại hẻm B N, thành phố P, Cơ quan điều tra thu giữ 01 cân tiểu ly, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 khẩu súng bằng kim loại màu đen có ký hiệu: "RC 134211882, RG88 Germany" bên trong có 05 viên đạn. Tiến hành giám định các tang vật nêu trên xác định: Khối lượng ma túy thu giữ khi bắt quả tang của Dương Hồng T và Nguyễn Thị Mai L là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 999,0489 gam. Khối lượng ma túy thu giữ khi khám xét tại nhà của Dương Hồng T, Lê Trang Mỹ D1: là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng lần lượt là 99,9810 gam; 99,7955 gam; 4,7961 gam và 2.4218 gam. Khối lượng ma túy thu giữ khi khám xét khuông viên nhà bị cáo T là của Hà Công T5 và Nguyễn Huy T1 là 0,5047 gam.

Mặc dù nội dung kháng cáo của bị cáo Dương Hồng T đề nghị xem xét xác định lại số lượng ma túy được tịch thu trên xe và phần tội danh của bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi đã được nêu trong bản án sơ thẩm, phù hợp với nội dung lời khai ngay từ đầu của các bị cáo khác. Căn cứ vào lời khai của bị cáo L, bị cáo

D1, bị cáo T10 và bị cáo T5 đều xác định bị cáo T là người biết rõ và có vai trò chính trong việc thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Các Cơ quan tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về việc bắt quả tang và lập biên bản lấy lời khai của từng bị cáo; thực hiện niêm phong tang vật để giám định cụ thể rõ ràng. Ngoài ra, hồ sơ vụ án còn có lời khai của Nguyễn Xuân B, Nguyễn Văn V, Lê Bảo N, Văn T6, Y Song B1, Nguyễn Hoàng Thủy N1…đều khai rõ việc mua bán ma túy với vợ chồng T, D1, T1, T5, khai rõ phương thức mua bán, giao nhận tiền; có các chứng cứ thu thập được từ trong điện thoại của bị cáo, các tin nhắn, thông tin chuyển khoản và các tài liệu khác. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định: Từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021, Dương Hồng T thực hiện mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần cho nhiều người khác nhau để thu lợi bất chính số tiền 723.119.000 đồng. Đồng thời, bị cáo T còn tổ chức cung cấp ma túy, dụng cụ để cho Nguyễn Huy T1, Hà Công T5, Nguyễn Thị Mai L sử dụng là có căn cứ.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm: Bị cáo T là người có vai trò chính trong vụ án với vai trò là người chủ mưu cầm đầu. Bị cáo Nguyễn Thị Mai L có hành vi giúp bị cáo T trong việc mua và vận chuyển 999,0489 gam Methamphetamine để bán. Bị cáo Lê Trang Mỹ D1 có hành vi đồng phạm với Dương Hồng T trong việc tàng trữ 207,4991 gam Methamphetamine để bán và đã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy nhiều lần. Bị cáo Nguyễn Huy T1 có hành vi đồng phạm với Lê Trang Mỹ D1 và Dương Hồng T trong việc tàng trữ 206,9944 gam Methamphetamine với mục đích để bán, đã bán nhiều lần cho nhiều người khác nhau, trong đó bán cho Nguyễn Xuân B 13,0891 gam Methamphetamine và tàng trữ 0,5047gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Bị cáo Hà Công T5 có hành vi đồng phạm với Lê Trang Mỹ D và Nguyễn Huy T1 trong việc tàng trữ 99,7955 gam Methamphetamine để bán và đồng phạm với Nguyễn Huy T1 trong việc tàng trữ 0,5047 Methamphetamine với mục đích để sử dụng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bị cáo Dương Hồng T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 251 và điểm b, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Mai L và Lê Trang Mỹ D1 phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm b, khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Huy T1 phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo đề nghị xem xét về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo đều không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xem xét về hình phạt :

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo Dương Hồng T là đặc biệt nghiêm trọng; ma túy là hiểm họa lớn cho xã hội, là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn cho xã hội. Tại thời điểm bắt quả tang và điều tra truy tố số lượng ma túy thu giữ được 1.224,036 gam Methamphetamine; nếu không được phát hiện và xử lý kịp thời sẽ gây ra hậu quả rất lớn cho xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy được hậu quả, tác hại của hành vi mua bán, tổ chức sử dụng ma túy nhưng vẫn thực hiện.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá, nhận định về tính chất và mức độ của tội phạm, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng và nhân thân rất

xấu; Bị cáo T có nhiều lần phạm tội đã được xét xử và đi chấp hành án cải tạo giáo dục, nay đang trong thời gian hoãn thi hành án phạt tù lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; do đó đã quyết định hình phạt tù Tử hình đối với bị cáo là bảo đảm mục đích của hình phạt được quy định trong Bộ luật Hình sự, loại trừ nguy hiểm cho xã hội và đồng thời phục vụ việc đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên, từ khi bị cáo bị bắt quả tang cho đến phiên tòa sơ thẩm bị cáo không thành khẩn khai báo, gây khó khăn cho quá trình điều tra phát hiện tội phạm của các Cơ quan chức năng; chỉ đến khi đã bị kết án thì bị cáo mới thừa nhận về hành vi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng xem đây là tình tiết giảm nhẹ không có tác dụng đáng kể, từ đó giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mai L giữ vai trò là người thực hành tích cực. Bị cáo biết rõ bị cáo T mua ma túy về bán nhưng vẫn đi cùng. Bắt quả tang súng, đạn của bị cáo T tàng trữ tại nhà trọ của bị cáo; bắt quả tang khi đi cùng T mua và vận chuyển 999,0489 gam Methamphetamine. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, thuộc hộ cận nghèo có giấy chứng nhận của Chính quyền địa phương, nên được áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; do đó Bản án sơ thẩm quyết định hình phạt Chung thân đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

[3.3] Đối với bị cáo Lê Trang Mỹ D1 là vợ của bị cáo T, bị cáo giữ vai trò là người thực hành trong vụ án, cùng với số ma túy bị bắt quả tang thì bị cáo còn giúp cho bị cáo T bán ma túy cho nhiều người để thu lợi bất chính. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*phạm tội 02 lần trở lên*". Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, đang nuôi con nhỏ, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã nhận thức được hành vi phạm tội, tỏ ra hối hận và khai báo thành khẩn. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt tù 20 năm đối với bị cáo là mức thấp của khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

[3.4] Bị cáo Nguyễn Huy T1 là người giúp sức cho bị cáo T và D1 trong việc bán ma túy nhiều lần và trong thời gian dài. Bị cáo có nhân thân từng bị xét xử; bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*Phạm tội 02 lần trở lên*" và được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt tù bị cáo là mức thấp trong khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của ông Dương Văn T2 xin nhận lại thửa đất số 223 tờ bản đồ số 14,

diện tích 100m^2, tại Làng B, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai, đứng tên bà Lê Trang Mỹ D1 thì thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Văn T2 không có tài liệu nào mới chứng minh thửa đất số 223 là tài sản hợp pháp của mình nên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo D1 đối với việc truy thu khoản tiền thu lợi bất chính 435.264.591 đồng. Quá trình điều tra xác minh về nguồn gốc các khoản tiền mà bị cáo T dùng để mua bán trái phép chất ma túy, số tiền bất chính mà bị cáo được hưởng. Trong đó bị cáo T dùng tài khoản Ngân hàng của bị cáo D1 và Lê Hồng N4 để giao dịch mua bán ma túy. Bị cáo D1 có vai trò đồng phạm với bị cáo T trong việc mua bán trái phép chất ma túy và số tiền thu lợi bất chính được xác định thông qua các giao dịch này tổng cộng là 723.119.000 đồng cần phải được thu hồi sung công quỹ nhà nước; đã xác định chuyển mua thửa đất 223 là 50.000.000 đồng, tịch thu số tiền còn trong tài khoản là 237.854.409 đồng, còn lại số tiền 435.264.591 đồng hiện không xác định được còn hay không. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định truy thu số tiền thu lợi bất chính, nên bị cáo D1 phải liên đới nộp lại số tiền thu lợi bất chính là có căn cứ.

Đối với kháng cáo xin nhận lại thửa đất số 223 tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2, tại Làng B, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Trang Mỹ D1. Bị cáo nhận chuyển nhượng thửa đất từ số tiền thu lợi bất chính để mua đất là 50.000.000đ (Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại VPCC Mai Phượng thể hiện giá trị chuyển nhượng thửa đất số 223 tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2, tại Làng B, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai, đứng tên bà Lê Trang Mỹ D1). Như vậy số tiền 50.000.000 đồng này nằm trong tổng số tiền thu lợi bất chính 723.119.000 đồng cần phải được thu hồi sung công.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tịch thu tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 223 tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2 tại Làng B, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai, đứng tên bà Lê Trang Mỹ D1 sung công là chưa hợp lý; bởi lẽ giá trị thực lô đất tại thời điểm hiện tại lớn hơn 50.000.000đ. Trong khi đó toàn bộ số tiền thu lợi bất chính đã được xác định để thu hồi là 723.119.000 đồng, số tiền hiện còn trong tài khoản là 237.854.409 đồng nên cần buộc truy thu nộp lại số tiền còn lại. Do đó, các bị cáo T và D1 cần phải nộp số tiền thu lợi bất chính 50.000.000 đồng (chi phí dùng mua thửa đất 223) và 435.264.591đồng (chi phí dùng chi tiêu khác của hai bị cáo) để sung ngân sách nhà nước (cộng lại là: 485.264.591 đồng). Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Trang Mỹ D1 về phần vật chứng; không tịch thu nhưng tiếp tục qui trữ tài sản là thửa đất số 223 tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2, tại Làng B, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai, đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất đứng tên bà Lê Trang Mỹ D1 để đảm bảo thi hành án các khoản phải nộp. (Sau khi thanh lý khấu trừ nghĩa vụ thi hành án thì bà D1 được nhận giá trị còn lại (nếu có)).

Ngoài ra, về phần vật chứng và biện pháp tư pháp. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả lại số tiền 79.978.000đ thu giữ của bị cáo T và bị cáo D1, lý do là không chứng minh được là có liên quan đến việc mua bán ma túy. Tuy nhiên, do nghĩa vụ thi hành án trong vụ án của hai bị cáo T và D1 là rất lớn, tài sản bảo đảm thi hành án là thửa đất 223 nêu trên chưa xác định được giá trị nên chưa thể xem là đủ để thi hành án; do đó cần tiếp tục qui trữ số tiền 79.978.000đ thu giữ của bị cáo T và bị cáo D1 để đảm bảo thi hành án.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét; có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[7] Các bị cáo Dương Hồng T, Nguyễn Thị Mai L, Nguyễn Huy T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng ; bị cáo Lê Trang Mỹ D1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 và điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Hồng T, Nguyễn Thị Mai L, Nguyễn Huy T1, Lê Trang Mỹ D1 về tội danh và hình phạt ; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T2; chấp nhận một phần kháng cáo của Lê Trang Mỹ D1 về phần vật chứng và biện pháp tư pháp. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 115/2023/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần tội danh và hình phạt; sửa một phần về vật chứng và các biện pháp tư pháp.

2. Về trách nhiệm hình sự :

2.1 – Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 40 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Dương Hồng Thái Tử h về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Hồng T **09 *(chín)***năm tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Dương Hồng T phải chấp hành hình phạt chung là **Tử hình**. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt **09 (chín) tháng** tù của Bản án số 06/2020/HS-PT-CTN ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo Dương Hồng T phải chấp hành hình phạt chung là **Tử hình**.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo Dương Hồng T được gửi đơn xin ân giảm án tử hình lên Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (ngày 27-8-2024).

Căn cứ khoản 4 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tiếp tục tạm giam bị cáo Dương Hồng T để đảm bảo thi hành án.

2.2- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 39 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai L **tù Chung thân** về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; thời hạn tù tính từ ngày 21-7-2021.

2.3- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Trang Mỹ D1 **20 (hai mươi) năm** tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.4- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T1 **20 (hai mươi) năm** tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T1 **03 (ba) năm** tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Huy T1 phải chấp hành hình phạt chung là **23 (hai mươi ba) năm** tù; thời hạn tù tính từ ngày 21-7-2021.

3. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tiếp tục qui trữ tài sản là Quyền sử dụng thửa đất số 223 tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2, tại Làng B, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY751835 ngày 08/6/2021 cho người sử dụng là bà Lê Trang Mỹ D1 để đảm bảo thi hành án. Sau khi thanh lý khấu trừ nghĩa vụ thi hành án (của chung T và D1) thì bà D1 được nhận giá trị còn lại (nêu có).

- Buộc các bị cáo Dương Hồng T và Lê Trang Mỹ D1 liên đới nộp số tiền 485.264.591đồng (*bốn trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi mốt đồng*) thu lợi bất chính để sung Ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục qui trữ số tiền 79.978.000 đồng (*bảy mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) đã thu giữ của bị cáo T và bị cáo D1 để đảm bảo thi hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: buộc bị cáo Dương Hồng T, Nguyễn Thị Mai L, Nguyễn Huy T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*); bị cáo Lê Trang Mỹ D1 không phải chịu.

5. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27-8-2024).

Nơi nhận:
- Vụ I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS ND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long